



PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ XÉT NGHIỆM LẠI PHẾT TẾ BÀO VÀ NUÔI CẤY
XIN BẢO GIÁ NĂM 2025 (Bổ sung)**

(Kèm theo Công văn số: 449 /BVPNT-KD ngày 28tháng 11 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bông gòn y tế	Được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Đóng gói ≥ 1 kg	Bị	5	
2	Bình tam giác có nắp	Chất liệu thủy tinh. Dung tích ≥ 100 ml	Cái	10	
3	Bình định mức	Chất liệu thủy tinh. Dung tích ≥ 2.000 ml	Cái	10	
4	Bình định mức	Chất liệu thủy tinh. Dung tích ≥ 1.000 ml	Cái	10	
5	Cồn 70 ⁰	Chất lỏng không màu, trong suốt. Dùng trong y tế, nồng độ cồn 70°. Chai ≥ 500 ml	Chai	50	
6	Cốc có mỏ 2000ml	Chất liệu thủy tinh. Dung tích ≥ 2.000 ml	Cái	10	
7	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Chlorhexidine Gluconate 4%, Chai ≥ 500 ml	Chai	50	
8	Đồng hồ hẹn giờ	Hẹn giờ thông báo thời gian chính xác tới từng giây sử dụng trong phòng thí nghiệm	Cái	2	
9	Găng tay y tế chưa tiệt trùng	Găng tay cao su không bột, các cỡ	Đôi	2,000	
10	Giá để ống ly tâm	Chất liệu nhựa PP, đựng ống ly tâm 50ml Chứa được ≥ 20 ống	Cái	10	
11	Hộp đựng lam kính		Cái	10	
12	Khay inox chữ nhật	Chất liệu Inox. Kích thước 40 x 60cm	Cái	3	
13	Khẩu trang y tế	Khẩu trang dùng 1 lần, bị 1 cái. Đóng gói hộp 50 cái	Hộp	50	
14	Lam kính đầu nhám	Độ mỏng 1-1,2mm, bề mặt nhám 1 đầu	Cái	3,600	
15	Mũ giấy y tế	Mũ giấy y tế dùng 1 lần. Bị ≥ 100 cái	Cái	500	